

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

1 Nhận dạng hóa chất**Phân loại sản phẩm****Tên thương mại** webertai gres**Mã giao dịch:** XXP014237**Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**

Không có thêm thông tin có liên quan.

Hướng dẫn sử dụng Hóa chất dùng trong xây dựng**Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn****Nhà sản xuất / Nhà phân phối:**

Công ty TNHH Saint-Gobain Việt Nam- Chi nhánh Hiệp Phước

Lô C20B, ĐƯỜNG SỐ 11, KCN HIỆP PHƯỚC, X. HIỆP PHƯỚC, H. NHÀ BÈ, TP. HCM

Phone: +84 08 3930 72 73

Fax: +84 08 3930 72 74

webervn@saint-gobain.com

Số điện thoại khẩn cấp: 093.416.9985**2 Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất****Phân loại chất và hỗn hợp**

Ăn mòn

Có hại cho mắt 1. H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.



Kích ứng da 2

H315 Gây kích ứng da.

Skin Sens. 1

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhãn mác**Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS**Các hình biểu thị sự nguy hiểm**

GHS05 GHS07

Từ chỉ dấu hiệu Nguy hiểm**Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**

Xi măng portland, màu xám

Các hướng dẫn về các nguy hiểm

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

(Xem tiếp ở trang 2)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 1)

Các hướng dẫn an toàn

- P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ
P102 Để xa tầm tay trẻ em.
P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.
P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
P302+P352 Nếu tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều nước
P305+P351+P338 **NẾU DINH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa
P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ
P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc
P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các dấu hiệu nguy hiểm khác:

Sản phẩm có chứa cát silica có thành phần hạt mịn nhỏ hơn 1% nên không được liệt kê là chất nguy hiểm. Tuy nhiên cần chú ý khi thao tác và mang bảo hộ lao động cần thiết.

Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results

PBT: Không được áp dụng

vPvB: Không được áp dụng

3 Thông tin về thành phần các chất

Mô tả tính chất hóa học: Hỗn hợp

Mô tả Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

Các chất thành phần nguy hiểm:

CAS: 65997-15-1	Xi măng portland, màu xám	25-50%
	⚠ Có hại cho mắt 1., H318; ⚠ Kích ứng da 2, H315; Skin Sens. 1, H317; Nhiễm độc cấp tính 5, H313	

SVHC Void

Các hướng dẫn đính kèm:

The product contains silica sand composed of quartz (crystalline silica) with a fine fraction below 1%.

The respirable fraction has an occupational exposure limit value (cf. section 8).

Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

4 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Mô tả về các biện pháp sơ cứu

Hướng dẫn chung:

Ngay lập tức loại bỏ quần áo bị vấy bẩn bởi sản phẩm

Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nếu nạn nhân không ổn, gọi bác sĩ và đưa kèm bảng thông tin này

Sau khi hít vào:

Cung cấp không khí sạch và gọi bác sĩ

Trong trường hợp người bệnh bất tỉnh giữ bệnh nhân ở vị trí nằm nghiêng và chuyển đi.

Sau khi tiếp xúc với da: Rửa thật sạch với nước

Sau khi tiếp xúc với mắt: Nước rửa nên ở nhiệt độ 20-30°C

(Xem tiếp ở trang 3)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 2)

Sau khi nuốt phải: Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ

Thông tin dành cho bác sĩ:

Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:

Không có thông tin liên quan nào khác

Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt

Nếu nuốt phải sản phẩm thì phải rửa dạ dày bằng than hoạt tính

5 Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Các phương tiện chữa cháy

Các giải pháp chữa cháy thích hợp

CO₂, bột hay phun bụi nước. Chữa đám cháy lớn hơn phải phun bụi nước hay bột ARC

Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp Không có thêm thông tin liên quan

Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy

Các thiết bị bảo vệ Đeo bình khí thở

6 Thông tin về độc tính

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp

Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm

Tránh tạo bụi

Đảm bảo thoáng khí

Các biện pháp bảo vệ môi trường

Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào

Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch

Sử dụng chất trung hòa.

Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13

Đảm bảo thoáng khí

Dọn bằng máy

Liên hệ đến các phần khác

Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn

Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân

Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

7 Thông tin về sinh thái

Xử lý

Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn

Đậy kín bình chứa

Tránh hình thành bụi

Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí

Dùng bộ hút chiết nếu thấy có bụi

Thông tin về các biện pháp chống cháy nổ Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt

(Xem tiếp ở trang 4)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 3)

Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích

Lưu trữ:

Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa Chỉ được đựng trong các bình chứa mới và chưa mở

Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường Tránh xa thực phẩm

Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ

Tránh độ ẩm và nước

Đề ở nơi thoáng mát và trong điều kiện được dán kín

Tác dụng của sản phẩm Không có thêm thông tin liên quan

8 Biện pháp sơ cứu về y tế

Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật Không có thêm dữ liệu; xem mục 7

Các thông số điều khiển

Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc

Mã CAS	Chỉ định vật liệu %	Loại	Giá trị đơn vị
CAS: 65997-15-1 Xi măng portland, màu xám			
PEL (US)	Giá trị dài hạn: 50 mppcf or 15* 5** mg/m ³ *total dust **respirable fraction		
REL (US)	Giá trị dài hạn: 10* 5** mg/m ³ *total dust **respirable fraction		
TLV (US)	Giá trị dài hạn: 1* mg/m ³ E; *as respirable fraction		

Bổ sung giá trị giới hạn của những mối nguy hiểm trong nghề nghiệp đối với những nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình chế biến

Bụi thạch anh (< 5 µm): 0,15 mg/m³

Thông tin bổ sung Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở

Kiểm soát các tình huống nguy hiểm

Các thiết bị an toàn cá nhân

Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được đi kèm khi xử lý hóa chất

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi

Loại bỏ ngay tức tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn

rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm

Tránh tiếp xúc với mắt và da

Sử dụng kem dưỡng ẩm sau khi tiếp xúc với sản phẩm

Bảo vệ đường hô hấp:

Thiết bị lọc trong thời gian ngắn

Bộ lọc P2

Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc. Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi

Bảo vệ tay Găng tay bảo hộ

Chất liệu của găng tay

Cao su Nitrile, NBR

(Xem tiếp ở trang 5)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 4)

Găng tay cao su

Bảo vệ mắt Eye Kính bảo hộ dán kín

Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ lao động

9 Biện pháp xử lý khi có hoả hoạn

Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản

Thông tin tổng quát

Diện mạo:

Hình thức::

Dạng bột

Màu:

Khác nhau theo màu sắc

Mùi:

Không điển hình

Ngưỡng mùi:

Không xác định.

Độ pH:

Kiềm

Thay đổi trong điều kiện

Điểm tan / Phạm vi tan

Không xác định

Điểm sôi / Phạm vi sôi

Không xác định.

Điểm bay hơi:

Không thể áp dụng.

Tính dễ cháy (rắn, khí):

Sản phẩm không cháy.

Nhiệt độ cháy:

Không xác định.

Nhiệt độ phân hủy:

Không xác định.

Tự cháy:

Sản phẩm không tự bốc cháy.

Nguy hiểm do cháy nổ:

Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ

Giới hạn nổ:

Dưới:

Không xác định

Trên:

Không xác định.

Tính chất ôxi hóa

Không xác định.

Áp lực hơi::

Không xác định.

Mật độ:

1.4 g/cm³

Mật độ tương đối:

Không xác định.

Mật độ của hơi:

Không thể áp dụng.

Tỉ lệ bay hơi:

Không thể áp dụng.

Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:

Nước:

Làm cứng khi tiếp xúc với nước.

Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước): Không xác định.

Độ nhớt:

Động

Không thể áp dụng.

(Xem tiếp ở trang 6)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 5)

Tính	Không thể áp dụng.
Thành phần dung môi:	
Dung môi hữu cơ:	0.0 %
Thông tin khác:	Không có thông tin chi tiết tương ứng

10 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**Phản ứng:** Không có thêm thông tin liên quan**Sự ổn định hóa học:** Ổn định trong điều kiện lưu trữ như khuyến cáo**Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh:** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.**Khả năng phản ứng nguy hiểm:**

Phản ứng với các axit.

Phản ứng với nước.

Các điều kiện cần tránh: Không có thêm thông tin liên quan**Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.**11 Yêu cầu về cất giữ****Thông tin về các hiệu ứng độc tính:****Ngộ độc cấp tính:****Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50**

Thành phần	Loại	Giá trị	Loài
CAS: 65997-15-1 Xi măng portland, màu xám			
Da	LD50	>2,000 mg/kg (Rabbit)	

Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**Trên da** Kích ứng da và lớp màng nhầy niêm mạc.**Trên mắt:** Kích ứng mạnh với nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.**Độ nhạy cảm** Có khả năng mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.**Thông tin thêm về độc tính:**

Sản phẩm này chỉ ra những tác hại sau theo phương pháp tính toán của hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất:

Kích ứng

12 Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**Độc tính****Thủy sản độc tính:** Không được liệt kê là thành phần có hại cho môi trường nước**Sự tồn tại và thoái hóa :** Không có thêm thông tin liên quan.**Hành vi trong các hệ thống môi trường:****Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.

(Xem tiếp ở trang 7)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 6)

Tính lưu động trong đất Không có thêm thông tin liên quan.**Ảnh hưởng của sinh thái độc****Ghi chú:**

Sản phẩm có thể gây bụi trong nước

. Sản phẩm có thể gây thay đổi pH, do đó có ảnh hưởng đến các loài cá và vi khuẩn

Ghi chú: Sản phẩm gây thay đổi pH đáng kể, cần trung hòa trước khi sử dụng**Bổ sung thông tin sinh thái:****Ghi chú tổng quát:**

Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải .

Không được bỏ vào hệ thống nước thải hoặc hệ thống thoát nước mà chưa pha loãng hoặc chưa trung hòa.

Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.**vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.**Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.**13 Yêu cầu trong việc thải bỏ****Phương pháp xử lý chất thải****Khuyến nghị**

Sản phẩm đông cứng sau khi trộn với nước sau 5 đến 6h và có thể thải bỏ như rác thải xây dựng. Mã số chất thải 170904

Bao bì bán**Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.**Các chất tẩy rửa được khuyến nghị sử dụng**

Thoroughly shake out sacks.

Nước, nếu cần, kết hợp với chất tẩy rửa.

14 Yêu cầu trong vận chuyển**Mã LHQ (UN)****ADR, ADN, IMDG, IATA**

khoảng trống

Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ**ADR, ADN, IMDG, IATA**

khoảng trống

vận chuyển các lớp học nguy hiểm**ADR, ADN, IMDG, IATA****lớp**

khoảng trống

Nhóm bao bì**ADR, IMDG, IATA**

khoảng trống

(Xem tiếp ở trang 8)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 7)

Các môi trường nguy hiểm:	Không có khả năng ứng dụng..
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:	Không có khả năng ứng dụng.
Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC	Không có khả năng ứng dụng.
Mẫu chuẩn của LHQ:	khoảng trống

15 Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp
Các yêu tố trên nhãn GHS

cf. section 2

Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

Các hình biểu thị sự nguy hiểm


GHS05 GHS07

Từ chỉ dấu hiệu Nguy hiểm
Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:

Xi măng portland, màu xám

Các hướng dẫn về các nguy hiểm

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Các hướng dẫn an toàn

P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ

P102 Để xa tầm tay trẻ em.

P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P302+P352 Nếu tiếp xúc với da, rửa bằng nhiều nước

P305+P351+P338 **NEU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa

Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ

P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc

P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Đánh giá an toàn hóa chất: Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

VN

(Xem tiếp ở trang 9)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2018.10.22

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2018.10.18

Tên thương mại webertai gres

(Xem tiếp ở trang 8)

16 Các thông tin cần thiết khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

Nơi phát hành bảng hướng dẫn an toàn hóa chất: R&D SEA**Liên hệ:**

Eik Hermkens

Phone: +66632172591

erik.hermkens@saint-gobain.com

Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

IATA-DGR: Dangerous Goods Regulations by the "International Air Transport Association" (IATA)

ICAO: International Civil Aviation Organisation

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

ELINCS: European List of Notified Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

SVHC: Substances of Very High Concern (REACH regulation)

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Nhiễm độc cấp tính 5: Acute toxicity – Category 5

Kích ứng da 2: Skin corrosion/irritation – Category 2

Có hại cho mắt 1.: Serious eye damage/eye irritation – Category 1

Skin Sens. 1: Skin sensitisation – Category 1